

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ALOGA VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ALOGA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALOGA TECHNOLOGY VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ALOGA

2. Mã số doanh nghiệp: 0109089599

3. Ngày thành lập: 20/02/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 5, số 4 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0368453685

Fax:

Email: ceo.aloga@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
2.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651(Chính)
3.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
4.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh -Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
5.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
6.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đầu giá)	4791
7.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đầu giá)	4799
8.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
10.	Bốc xếp hàng hóa	5224
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
13.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
14.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
15.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm	5820

16.	Lập trình máy vi tính	6201
17.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
18.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
19.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
20.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
21.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động điều tra)	6399
22.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
23.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
24.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
25.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
26.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
27.	Cho thuê xe có động cơ	7710
28.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
29.	Đại lý du lịch	7911
30.	Điều hành tua du lịch	7912
31.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
32.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: - Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện - Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
34.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp	8531
35.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp	8532
36.	Đào tạo cao đẳng Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp	8533

37.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
38.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục, tư vấn du học (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	8560
39.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
40.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ loại nhà nước cấm)	9329
41.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ xoa bóp Dịch vụ tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	9610
42.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
43.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: - Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; - Cắt, tỉa và cạo râu; - Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm...	9631
44.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
45.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện pháp luật quy định)	0899
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
47.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
48.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
49.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
50.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

51.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
52.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
53.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
54.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
55.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
56.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
57.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
58.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
59.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
60.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
61.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
62.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
63.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
64.	Sản xuất máy luyện kim	2823
65.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
66.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
67.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
68.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
69.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
70.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
71.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
72.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
73.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
74.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
75.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
76.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
77.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
78.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
79.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
80.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
81.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513

82.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
83.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
84.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
85.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THANH ĐẠT	Xóm Văn Ngọc, Xã Diên Ngọc, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	3,000	187319911	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	3,000		

2	NGUYỄN XUÂN THÀNH	Thôn Lạc Thổ Nam, Thị Trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	45,000	125490939	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	45,000		
3	VĂN TRUNG HIẾU	Đường Lạc Trị, Làng Kiều Trung, Cụm 4, Thị Trấn Phúc Thọ, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	30,000	017146830	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	30,000		
4	VŨ XUÂN HUY	Thôn Lạc Thổ Nam, Thị Trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	260.000	2.600.000.000	13,000	125490994	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	260.000	2.600.000.000	13,000		

5	TẠ BÁ TRUNG	xóm 2, Xã Thái Thượng, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	3,000	034093002482
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	60.000	600.000.000	3,000	
6	NGUYỄN SĨ THOẠI	Thôn 1, Xã Kiến Quốc, Huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	3,000	031090005404
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	60.000	600.000.000	3,000	
7	BÙI TIẾN TÙNG	xóm 1, thôn Nhật Lệ, Xã Nhật Quang, Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	3,000	145545501
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	60.000	600.000.000	3,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/05/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125490939

Ngày cấp: 10/03/2009

Nơi cấp: CA Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Lạc Thổ Nam, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 3 ngách 2/3 Nguyễn Khả Trạc, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội